

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẤT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi

con;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đăng Lý

Ông Đặng Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên tòa: Ông Triệu Văn Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 157/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

N đơn: Anh Cấn Hồng N, sinh năm 1985; có mặt;

Bị đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1988; vắng mặt;

Cùng cư trú: Nội thôn, xã P, huyện T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, N đơn anh Cấn Hồng N trình bày:

Về quan hệ Hôn nhân: Anh N với chị Ngô Thị T, sinh năm 1988 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 01/9/2008 tại UBND xã P, huyện M, Thành phố H. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh về chung sống với nhau tại nhà anh ở Nội thôn, xã P, huyện T, Thành phố H. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. N nhân mâu thuẫn là do vợ chồng làm ăn kinh tế bị thu lỗ nên thường xuyên xảy ra xích mích, cãi cọ. Đến cuối năm 2018, chị T còn có quan hệ tình cảm với người khác và bỏ nhà đi, không thông báo cho anh N biết địa chỉ nơi ở của chị T. Từ đó đến nay, hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay anh N xác định không còn tìm cảm vợ chồng với

chị T, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngô Thị T.

Về con chung: Vợ chồng anh N, chị T có 03 con chung là: Cháu Cấn Đức V, sinh ngày 16/7/2008; cháu Cấn Gia H. , sinh ngày 03/9/2010 và cháu Cấn Khôi N sinh ngày 24/8/2014. Hiện tại các cháu đang ở cùng với anh N và bà nội. Khi ly hôn, anh N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả ba cháu. Anh N tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh N đang làm công nhân tại Công ty TNHH đầu tư và thương mại Quốc Tế N An. Thu nhập được khoảng 15.000.000 đồng /tháng (mười lăm triệu đồng một tháng).

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N xác định vợ chồng anh không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Ngô Thị T: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T tại nơi cư trú theo đúng quy định NH. chị T không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn, không cung cấp chứng cứ và trình bày quan điểm của bị đơn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán , thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục của phiên toà sơ thẩm. N đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của N đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Anh N và chị T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh N, chị T là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh N và chị T xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Điều đó thể hiện quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T không còn nên nay anh N yêu cầu ly hôn chị T là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh N và xử anh N ly hôn chị T.

Về con chung: Anh N, chị T có ba con chung. Sau khi vợ chồng sống ly thân, các cháu ở với anh N, chị T không quan tâm đến con chung. Vì vậy, đề ổn định cuộc sống của các cháu đề nghị giao cả ba con chung là cháu Cấn Đức V, sinh ngày 16/7/2008; cháu Cấn Gia H. , sinh ngày 03/9/2010 và cháu Cấn Khôi N sinh ngày 24/8/2014 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T;

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị buộc anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Bị đơn chị Ngô Thị T hiện nay vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Phú Kim, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, hiện không cư trú tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú nH. không khai báo tạm vắng và cũng không thông báo cho gia đình biết nơi ở mới. Do vậy, bị đơn thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ; Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị Ngô Thị T đã được tổng đạt hợp lệ - niêm yết hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nH. vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cấn Hồng N kết hôn với chị Ngô Thị T trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 01/9/2008 tại UBND xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội nên quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T là hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của anh N, kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống, giữa anh N và chị T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, gia đình hai bên đã khuyên giải nH. không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Trước yêu cầu của anh N xin ly hôn, chị T không hợp tác làm việc, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, quan hệ vợ chồng đã không tồn tại trên thực tế từ cuối năm 2018 đến nay, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của anh N xin ly hôn chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh N và chị T có 03 con chung là Cấn Đức V, sinh ngày 16/7/2008; Cấn Gia H. , sinh ngày 03/9/2010 và Cấn Khôi N sinh ngày 24/8/2014, hiện cả ba cháu đang do với anh N nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu nuôi con chung của anh N thấy: Từ tháng cuối năm 2018 đến nay cả ba cháu V, cháu H. và cháu N đang có cuộc sống ổn định với anh N, được anh N nuôi dưỡng, chăm sóc chu đáo. Chị T đi làm ăn xa, không cung cấp địa chỉ cho anh N và gia đình, thỉnh thoảng mới về thăm hỏi các con, không thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng các con và cũng thể hiện nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Cháu V và cháu H. đều trên 7 tuổi đều có nguyện được tiếp tục ở với bố. Mặt khác, anh N có công việc và thu nhập ổn định và được bà Nguyễn Thị Hạnh (là mẹ anh N) tạo điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ anh N chăm sóc các cháu. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung cần

giao cả ba cháu V, cháu H. và cháu N cho anh N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị T không trực tiếp nuôi con chung nH. có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T đến khi có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Cấn Hồng N ly hôn chị Ngô Thị T.

2.Về con chung: Giao 03 con chung là cháu Cấn Đức V, sinh ngày 16/7/2008; cháu Cấn Gia H. , sinh ngày 03/9/2010 và cháu Cấn Khôi N sinh ngày 24/8/2014 cho anh Cấn Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Ngô Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T đến khi có yêu cầu.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4.Về án phí: Anh Cấn Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2014/07483 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, anh Cấn Hồng N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Ngô Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú./.

Nơi nhận

- Đương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- UBND xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, Tp. Hà Nội (Trường hợp án có HLPL);
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Thủy

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

